

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 04 - 5 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Quyết;
2. Ông Bùi Văn Ôn.

**- Thư ký ghi phiên tòa:** Ông Bùi Văn Hường - Thư ký tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

**- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Bùi Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: xóm Tre, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: chị Phùng Thị V, sinh năm 1986. Địa chỉ: xóm Tre, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Về hôn nhân: tôi và chị Phùng Thị V đăng ký kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có ĐKKH tại UBND xã Văn Nghĩa. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng lẫn nhau khi chị V có quan hệ với người

khác, dù đã khuyên bảo nhiều lần nhưng do chị V không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xung đột khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V đã bỏ nhà đi được mấy tháng nay, không còn quan tâm đến con cái nữa, nên tôi đề nghị được ly hôn với chị V.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và chị V có 02 con chung là cháu Bùi Phùng Diễm Chi, sinh ngày 18/01/2007 và cháu Bùi Phùng Quốc Việt, sinh ngày 06/03/2011. Hiện nay các cháu đang sống với tôi. Vợ chồng ly tôi đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con chung và chưa đề nghị chị V cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Không đề nghị tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh T không có yêu cầu gì thêm.

Về phía chị Phùng Thị V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, chị V vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

***\* Tại biên bản xác minh ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của chị Phùng Thị V và anh Bùi Văn T có nội dung:***

Anh Bùi Văn T và chị Phùng Thị V kết hôn ngày 18/12/2006 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2019 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xung đột, hai vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Chị V đã bỏ nhà đi khoảng 4-5 tháng nay, không còn quan tâm đến chồng con nên khả năng đoàn tụ là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị V có 02 con chung là cháu Bùi Phùng Diễm Chi, sinh ngày 18/01/2007 và cháu Bùi Phùng Quốc Việt, sinh ngày 06/03/2011. Kể từ khi ly thân đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục các con chung.

Về điều kiện nuôi con của chị V và anh T:

- Xét về yếu tố nhân phẩm, đạo đức: anh T là người hiền lành, trong cuộc sống không gây gổ, xích mích với ai, sống được lòng bà con làng xóm. Chị V khi hiện đã bỏ nhà đi vì đã có những mối quan hệ ngoài vợ chồng.

- Xét đến yếu tố kinh tế để nuôi con: anh T có công việc ổn định nên anh T đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Hiện tại chị V không có mặt tại địa phương nên không

rõ về công việc hiện tại.

- Về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con: Thời gian làm việc của anh T không quá gò bó nên có đủ thời gian để dành cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị V hiện tại không có mặt tại địa phương nên không rõ về nội dung, tính chất công việc của chị V có đủ điều kiện về thời gian để nuôi con hay không.

- Về chỗ ở: anh T có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện về chỗ ở để nuôi con. Chị V hiện không rõ ở đâu.

Về sự vắng mặt của chị Phùng Thị V tại nơi cư trú: Kể từ khi Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là anh Bùi Văn T và bị đơn là chị Phùng Thị V đến nay chị V vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới và không rõ thời điểm trở về. Do đó, TAND huyện Lạc Sơn không gặp và tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho chị V. Cán bộ tổng đạt đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và tại UBND xã Văn Nghĩa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

***\*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

**Về tố tụng:** Kiểm sát viên V kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

**Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Bùi Phùng Diễm Chi, sinh ngày 18/01/2007 và Bùi Phùng Quốc Việt, sinh ngày 06/03/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T chưa đề nghị chị V cấp dưỡng nuôi con và chị V không có quan điểm gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị HĐXX chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

Về tài sản chung: đề nghị không đề cập giải quyết; công nợ chung: Không có

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là chị Phùng Thị V có hộ khẩu thường trú tại xóm Tre, xã Văn Nghĩa,

huyện Lạc Sơn, Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án T hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. T hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. T hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh T và chị V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn là chị Phùng Thị V đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX T hành xét xử vắng mặt anh T và chị V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị V không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh T và chị V có 02 con chung là cháu Bùi Phùng Diễm Chi, sinh ngày 18/01/2007 và cháu Bùi Phùng Quốc Việt, sinh ngày 06/03/2011. Hiện nay, anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả 2 con chung. Vợ chồng ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con chung và chưa yêu cầu chị V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại Điều 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Trên cơ sở nguyên tắc này có thể hiểu người cha và người mẹ bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái trong thời kỳ tồn tại quan hệ hôn nhân và ngay cả khi quan hệ hôn nhân chấm dứt. Tuy nhiên, chị V không đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh T và chị V: kể từ khi ly thân đến nay chị V để con cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có chỗ ở ổn định, có công việc chính là làm ruộng, ngoài ra anh T còn làm thuê để kiếm thêm thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như để cho con chung có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo

trộn cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cả 2 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Bùi Phùng Diễm Chi và cháu Bùi Phùng Quốc Việt trình bày nguyện vọng muốn ở với anh T khi bố mẹ ly hôn

[4] *Vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Do anh T chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, chị V chưa có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí*: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân**: anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Phùng Thị V.

**2. Về con chung, cấp dưỡng**: Giao 02 con chung là cháu Bùi Phùng Diễm Chi, sinh ngày 18/01/2007 và cháu Bùi Phùng Quốc Việt, sinh ngày 06/03/2011 cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 5/2021 cho đến khi các con chung 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị V chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình*

*không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3. Về tài sản chung:** không đề cập giải quyết; công nợ chung: không có.

**5. Về án phí:** anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005415 ngày 24/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Anh Bùi Văn T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND Văn Nghĩa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**

